

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 9 NĂM 2023

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024;

- Trường Tiểu Học Yên Thề thông báo đến quý Cha Mẹ học sinh các khoản thu trong năm học 2023-2024 như sau:

- Căn cứ Hướng dẫn số 4687/SGDDT-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ theo văn bản số 1650/GDDT-TC ngày 27/9/2023 của Liên Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình - Phòng tài chính - Kế hoạch và việc chấp thuận theo đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo - thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

- Căn cứ Phiếu chuyển số 5643/Q ngày 02/10/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Ba Thành, Chủ tịch về việc chấp thuận theo đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo - Phòng tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 1650/GDDT-TC ngày 27/9/2023.

- Căn cứ văn bản số 1700/GDDT-TC ngày 04/10/2023 của Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình về triển khai hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024.

- Trường Tiểu Học Yên Thề thông báo đến quý Cha Mẹ học sinh các khoản thu tháng 9 năm 2023 như sau:

STT	LỚP	Tổ chức dạy học 2 buổi / ngày (tháng)	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (tháng)	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (tháng)	Tiền tổ chức dạy các kỹ năng sống (1 tuần)	Câu lạc bộ Vui học Tiếng Việt (tháng)	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (1 tuần)	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (1 tuần)	Tiền tổ chức dạy tin học theo chuẩn quốc tế (tháng)	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bàn trú (tháng)	Tiền mua sắm thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú (năm)	Học phẩm (ăn trưa bán trú (18 ngày)	Tiền suất ăn trưa bán trú (18 ngày)	Tiền nước uống (tháng)	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (năm)	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí hao trí) (tháng)	Tiền dịch vụ tiện ích tổng hợp công nghệ thông tin và chuyển đổi số (tháng)	BHYT học sinh	Tổng Cộng
Khối 1																			
1	1/1		100.000		20.000			137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.486.500
2	1/2		100.000		20.000		55.000	137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.404.000
3	1/3		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.404.000
4	1/4		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.404.000
5	1/5		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.404.000
6	1/6		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.404.000
Khối 2																			
1	2/1		100.000		20.000			137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.166.900
2	2/2		100.000		20.000		55.000	137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.084.400
3	2/3		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.084.400
4	2/4		100.000		20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.084.400
5	2/5				20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.984.400
6	2/6				20.000		55.000			253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		1.984.400
Khối 3																			
1	3/1		100.000		20.000			137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.166.900
2	3/2		100.000		20.000			137.500		253.000	220.000	35.000	630.000	16.000	25.000	35.000	15.000		2.166.900

Khối 1												
3	3/3		100.000		20.000				55.000		253.000	220.000
4	3/4		100.000		20.000				55.000		253.000	220.000
5	3/5		100.000		20.000				55.000		253.000	220.000
Khối 4												
1	4/1		100.000							137.500	253.000	220.000
2	4/2		100.000							137.500	253.000	220.000
3	4/3		100.000						55.000		253.000	220.000
4	4/4		100.000						55.000		253.000	220.000
5	4/5				20.000				55.000		253.000	220.000
Khối 5												
1	5/1	120.000	100.000		20.000					137.500	253.000	220.000
2	5/2	120.000	100.000		20.000					137.500	253.000	220.000
3	5/3	120.000	100.000		20.000				55.000		253.000	220.000
4	5/4	120.000	100.000		20.000				55.000		253.000	220.000
5	5/5	120.000			20.000				55.000		253.000	220.000
6	5/6											

Tân Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2023
TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN THỀ
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
 NGUYỄN NGHĨA DŨNG